

Bản án số: 38/2020/HS-ST  
Ngày 29-10-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đào Thị Thường. 2. Ông Vũ Đức Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ tham gia phiên tòa:** Ông Hà Lập Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2020/TLST - HS ngày 09/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST - HS ngày 15/10/2020 đối với các bị cáo:

**1. Phạm Văn Đ.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 15/6/1988. Tại thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 1, phường TA, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Khắc T (Đã chết) và bà Phạm Thị C sinh năm 1947. Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có bốn anh, chị, em. Vợ: Vũ Trần Thảo L sinh năm 1994 (Đã ly hôn). Có 1 con sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/8/2020, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

**2. Hà Trung T.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 03/02/1991. Tại huyện VC, tỉnh Yên Bái. Nơi ĐKNKTT: Thôn Giàng B, xã SG, huyện VC, tỉnh Yên Bái; Chỗ ở: Thôn TH, xã SL, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hà Ngọc T sinh năm 1960 và bà Sa Thị S sinh năm 1962. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 03 anh, chị, em. Vợ: Giàng Thị M sinh năm 1992. Có 1 con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2020, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo Hà Trung T:** Bà Nguyễn Thị Hoa – Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh số 1 tỉnh Yên Bái. Có mặt.

**- Người có quyền lợi liên quan:**

Giàng Thị M sinh ngày 19/01/1992. Trú tại: Thôn Giàng B, xã SG, huyện VC tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Lê Văn D. Sinh ngày 25/8/1990. Trú tại: Thôn ĐK xã SA, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Hoàng Văn H. Sinh ngày 19/12/1992. Trú tại BD xã HS, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Đồng Văn S. Sinh ngày 15/9/1983. Trú tại: BL phường TT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Phạm Thị C. Sinh ngày 04/4/1947. Trú tại: Tổ 1 phường TA, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 10 phút ngày 02/6/2020, tại tổ 1, phường TA, thị xã NL, Công an thị xã NL bắt quả tang Hà Trung T, Hoàng Văn H, Đồng Văn S và Lê Văn D đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Thu giữ trong túi quần bên trái phía trước T đang mặc 02 gói nilon màu trắng, một đầu có khóa nhựa, gói nilon thứ nhất bên trong có 40 đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu, bên trong mỗi đoạn ống nhựa đều có chứa chất bột màu trắng; gói nilon thứ hai bên trong có 09 gói nilon nhỏ, bên trong mỗi gói nilon nhỏ đều có chứa chất tinh thể màu trắng, thu giữ trong túi quần bên phải phía trước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại máy có bàn phím, gắn thẻ sim số 0818.701.676 và 897.000 đồng. Thu giữ của T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen, biển kiểm soát 21K1-260.36, xe cũ đã qua sử dụng. Thu giữ trong túi quần bên phải Lê Văn D đang mặc 100.000 đồng (BL 31- 32)

Hà Trung T khai nhận toàn bộ số ma túy trên là do Phạm Văn Đ đưa cho T để mang đi để bán kiếm lời.

Khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Phạm Văn Đ thu giữ trong tủ nhựa kê tại phòng ngủ của Phạm Văn Đ 02 gói nilon màu trắng một đầu gắn khóa nhựa bên trong mỗi gói đều có chứa chất tinh thể màu trắng; trong gian bếp nhà Phạm Văn Đ 01 lọ nhựa màu trắng, có nắp màu đen, trên nắp có 02 lỗ nhỏ, trên mỗi lỗ đều có gắn một đoạn ống nhựa, đoạn ống nhựa một đầu có gắn vật không rõ hình thù bằng thủy tinh (BL 41-42).

Phạm Văn Đ khai nhận: Do nghiện chất ma túy nên ngày 21/5/2020 Đ gặp và mua được của người phụ nữ dân tộc Mông 01 gói Heroine với giá 100.000 đồng. Sau đó mang về nhà sử dụng hết một phần, số còn lại cất giấu. Đến ngày 22/5/2020, T đến nhà chơi. Đ đã bán cho T số Heroine còn lại từ ngày 21/5/2020 với giá 100.000 đồng.

Đến ngày 01/6/2020, Đ tiếp tục gặp người phụ nữ dân tộc Mông lần trước và mua của người này 02 gói nilon có chứa ma túy với giá 4.000.000 đồng, bên trong gói nilon thứ nhất có 40 đoạn ống nhựa màu trắng bên trong mỗi đoạn ống nhựa đều có chứa Heroine; bên trong gói nilon thứ hai có 11 gói nilon nhỏ, bên trong mỗi gói nilon nhỏ đều có chứa ma túy tổng hợp dạng đá. Đ mang số ma túy về nhà cất giấu.

Đến khoảng 8 giờ ngày 02/6/2020, khi T đến nhà, Đ lấy số ma túy mua được từ hôm trước ra cất 02 gói nhỏ đựng ma túy tổng hợp dạng đá vào ngăn tủ nhựa tại phòng ngủ của Đ với mục đích sử dụng cho bản thân, nếu có ai hỏi mua thì sẽ bán. Số ma túy còn lại Đ đưa cho T để mang đi bán và đưa chiếc điện thoại di động cho T để liên lạc. Đ trao đổi với T sẽ bán 100.000 đồng/01 gói Heroine và 300.000 đồng/01 gói ma túy tổng hợp dạng đá, nếu T bán được 01 gói Heroine thì Đ cho 5.000 đồng và bán được 01 gói ma túy tổng hợp dạng đá thì cho 10.000 đồng. T đồng ý rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 21K1-260.36 mang theo số ma túy trên và chiếc điện thoại di động Đ đưa đi ra đường nhằm mục đích chờ xem có ai hỏi mua và gọi điện hỏi mua ma túy thì bán.

Đến khoảng 9 giờ cùng ngày T nhận được hai cuộc điện thoại của Hoàng Văn H và Lê Văn D hỏi mua Heroine, T đồng ý sau đó hẹn H và D đi đến khu vực gốc đa trước cổng UBND thị xã NL để giao dịch mua bán, H và D cùng đồng ý. Khi H đi bộ đến trước cổng vườn quả thị xã NL thì gặp Đồng Văn S đi đến, qua nói chuyện H biết S cũng đang đi tìm mua ma túy nên H và S đã đi cùng nhau đến gốc đa trước cổng UBND thị xã NL gặp T. Khi gặp T cả H và S cùng hỏi mua mỗi người 01 gói Heroine, sau đó H và S mỗi người đưa cho T 100.000 đồng, cùng lúc D cũng đi đến hỏi T để mua Heroine, T đồng ý sau đó cất 200.000 đồng H và S đưa cho vào túi quần. T định lấy Heroine ra đưa cho H và S nhưng chưa kịp lấy ra thì bị bắt quả tang.

Tại bản Kết luận giám định số: 93/GĐMT ngày 10/6/2020 và số 158/KLGĐ ngày 09/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận:

- Chất bột màu trắng thu giữ của Hà Trung T có tổng khối lượng là 2,71 gam. 0,44 gam trích từ 2,71 gam gửi giám định là ma túy, loại Heroine.
- Chất tinh thể màu trắng thu giữ của Hà Trung T có tổng khối lượng là 1,77 gam. 0,68 gam trích từ 1,77 gam gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine.
- Chất tinh thể màu trắng thu giữ khi khám xét nơi ở của Phạm Văn Đ có tổng khối lượng là 0,42 gam. 0,13 gam trích từ 0,42 gam gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine.

Heroine nằm trong Danh mục I, STT: 9, Methamphetamine nằm trong Danh mục II, STT: 323 Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ.

Số tiền 897.000 đồng thu giữ của Hà Trung T. Và số tiền 100.000 đồng thu giữ của Lê Văn D đều là tiền do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Cáo trạng số 45/CT-VKS-NL ngày 09/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã NL truy tố Phạm Văn Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Truy tố Hà Trung T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Văn Đ từ 08 năm đến 09 năm tù; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Trung T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung, đề nghị xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Trung T nhất trí đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh; về hình phạt đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo đều thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân thị xã NL truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt là đúng người, đúng tội; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của các bị cáo Phạm Văn Đ, Hà Trung T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, vật chứng được thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Phạm Văn Đ, Hà Trung T đều là đối tượng nghiện ma túy, đã nhiều lần mua Heroine của người khác vừa sử dụng vừa bán lại cho người nghiện khác để kiếm lời. Cụ thể, ngày 22/5/2020, Đ đã một lần bán Heroine cho T. Đến ngày 01/6/2020 Đ tiếp tục mua Heroine và Methamphetamine đưa cho T đem đi bán để kiếm lời, ngày 02/6/2020 Hà Trung T, đang bán trái phép chất ma túy cho Hoàng Văn H, Đồng Văn S và Lê Văn D thì bị bắt quả tang. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì vụ lợi vẫn cố ý thực hiện. Căn cứ số lần bán ma túy, số lượng người mua ma túy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã NL truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”, “Đối với 02 người trở lên” vì Đ và T đồng phạm, đồng thời truy tố bị cáo Hà Trung T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “Đối với 02 người trở lên” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm chế độ độc quyền quản lý, sử dụng chất ma túy của Nhà nước, làm lây lan tệ nạn ma túy tại địa phương là một trong những nguyên nhân điều kiện làm cho tội phạm, vi phạm phát sinh trên địa bàn, gây tác hại nhiều mặt cho xã hội và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Trong vụ án đồng phạm này, bị cáo Phạm Văn Đ đã nhiều lần mua ma túy về bản thân sử dụng, đã một lần bán cho Hà Trung T, một lần cung cấp ma túy và điện thoại cho T mang đi bán cho nhiều người khác nên bị cáo Đ có vị trí vai trò chính, chịu trách nhiệm về hành vi của mình và cả hành vi của Hà Trung T. Đối với hành vi của bị cáo T cùng lúc bán ma túy cho nhiều đối tượng nghiện khác nhau nên thể hiện tính chất, mức độ nguy hại cho xã hội là rất nghiêm trọng, cần phải xử phạt tù nghiêm khắc. Về mức hình phạt của bị cáo Đ cần phải cao hơn so với bị cáo T.

Trong quá điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, được Hội đồng xét xử áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo T sau khi bị bắt giữ và trong quá trình điều tra đã chủ động khai ra số ma túy và điện thoại là của bị cáo Đ, được Đ đưa cho để giao dịch, bán ma túy kiếm lời, từ đó có cơ sở để khám xét khẩn cấp, thu thêm ma túy, bắt giữ và khởi tố Đ. Cho thấy, T tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, chủ động cung cấp thông tin để từ đó giúp cơ quan điều tra phát hiện và khởi tố thêm người phạm tội mới, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo T. Ngoài ra mẹ đẻ của bị cáo Đ được Nhà nước tặng huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất; bố đẻ của bị cáo T được Nhà nước tặng huy chương chiến sĩ về vang là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên được Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo T có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân: Các bị cáo đều là đối tượng có lối sống buông thả, không chịu rèn luyện tu dưỡng, nghiện ma túy nhiều năm, thiếu kiên quyết nên không từ bỏ được, do háms lợi, thiếu tôn trọng pháp luật dẫn đến phạm tội về ma túy nên xác định là người có nhân thân chưa tốt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, vì nghiện ma túy đã nhiều năm nên kinh tế gia đình đều khó khăn, với mục đích tạo điều kiện cho bị cáo sớm tái hòa nhập cộng đồng sau khi mãn hạn tù nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng và tài sản tạm giữ trong vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau khi đã lấy mẫu vật giám định gồm: 2,27 gam ma túy, loại Heroine. 1,38 gam (1,09 + 0,29) ma túy, loại Methamphetamine, được niêm phong vào 01 phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành; 01 lọ nhựa màu trắng có nắp màu đen, trên nắp có đục lỗ, trên mỗi lỗ đều có gắn một đoạn ống nhựa. Trên một đoạn ống nhựa ở một đầu có gắn một vật bằng thủy tinh; 04 vỏ phong bì đã dùng để niêm phong vật chứng, các túi nilon, các gói nilon và các đoạn ống nhựa.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại có bàn phím gắn thẻ sim số 0818.701.676, do các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

- 997.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam, được niêm phong trong 02 phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành; Trong đó: 200.000,đ là tiền T bán ma túy mà có, 100.000,đ tiền của Lê Văn D dùng để mua ma

túy, cần tịch thu nộp ngân sách. Còn lại 697.000,đ là tiền của bị cáo T, không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo T.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen, biển kiểm soát 21K1 - 260.36. Đây là tài sản hợp pháp của chị Giàng Thị M (vợ của Hà Trung T), việc T mang xe đi bán ma túy chị M không được biết. Cơ quan Điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị M quản lý, sử dụng là phù hợp.

[6] Trong vụ án này:

- Bị cáo Đ khai đã hai lần mua ma túy của một người phụ nữ dân tộc Mông khoảng 40 tuổi tại khu vực thôn Pá Lau, xã Pá Lau, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái nhưng không biết tên, tuổi và địa chỉ cụ thể nên không đủ cơ sở để điều tra, làm rõ.

- Các đối tượng Hoàng Văn H, Đồng Văn S và Lê Văn D là người sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã NL chuyển tài liệu đến Công an xã Hạnh Sơn, Công an phường Trung Tâm và Công an xã Sơn A đề nghị lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

[7] Những phát biểu và đề nghị có căn cứ của Kiểm sát viên đối với các bị cáo Phạm Văn Đ, Hà Trung T cũng như phần bào chữa và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Hà Trung T phù hợp quy định của pháp luật như Hội đồng xét xử đã nhận định trên nên được chấp nhận.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thấy rằng: Các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không có ý kiến khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo T là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Đ, Hà Trung T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phạm Văn Đ 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/8/2020.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 251; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt Hà Trung T 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 02/6/2020.

3. Căn cứ khoản Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau khi đã lấy mẫu vật giám định gồm: 2,27 gam ma túy, loại Heroine. 1,38 gam (1,09 + 0,29) ma túy, loại Methamphetamine, được niêm phong vào 01 phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành; 01 lọ nhựa màu trắng có nắp màu đen, trên nắp có đục lỗ, trên mỗi lỗ đều có gắn một đoạn ống nhựa. Trên một đoạn ống nhựa ở một đầu có gắn một vật bằng thủy tinh; 04 vỏ phong bì đã dùng để niêm phong vật chứng, các túi nilon, các gói nilon và các đoạn ống nhựa.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại có bàn phím gắn thẻ sim số 0818.701.676. Số tiền 200.000,đ (*Hai trăm nghìn đồng*) của Hà Trung T và 100.000,đ (*Một trăm nghìn đồng*) của Lê Văn D.

- Trả lại cho Hà Trung T số tiền 697.000,đ (*Sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc các bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) để nộp ngân sách. Bị cáo Hà Trung T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND; VKSND; Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND thị xã Nghĩa Lộ;
- THA hình sự; CA thị xã Nghĩa Lộ;
- CCTHA dân sự thị xã Nghĩa Lộ
- Chi cục hải quan Yên Bái;
- Chi cục thuế tỉnh Yên Bái ;
- Các Bị cáo; Người có QLLQ;
- UBND p Tân An, xã Sơn lương (thông báo);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Xuân Hà**